

Bản án số: **166/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Hòa**.

Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 617/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Bá A**, sinh năm 1954.

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 28, Khu M, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Trương Thị B** (Tức **Chương Thị C**), sinh năm 1956.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A: Ông **Vũ Khắc K** - Luật sư Văn phòng luật sư P.

Có mặt: Ông A, bà B, ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Bá A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Trương Thị B ngày 21/9/1974 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Ở địa phương, gia đình và hàng xóm hay gọi bà B là bà “C” nên khi đi đăng ký kết hôn, vợ chồng có đọc tên của bà B là “C” và cán bộ thực hiện việc đăng ký đã ghi họ tên của bà B là “Chương Thị C” trong đăng ký kết hôn. Ông cam kết và xác nhận bà Trương Thị B và Chương Thị C chỉ là một người. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ ông tại Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội được khoảng 02

năm. Sau đó, bố mẹ ông cho vợ chồng ra ở riêng cũng trên thửa đất của các cụ. Quá trình chung sống, do bà B có cách đối xử không đúng mực với bố mẹ chồng, không biết làm ăn, lại còn gian dối nên đến năm 1979, ông nảy sinh và có quan hệ tình cảm với bà Đỗ Thị L, sinh năm 1958 (Là đồng nghiệp cùng công ty với ông). Năm 1982, ông và bà L sinh được 01 con riêng là anh Nguyễn Bá I. Sau đó, ông có đưa anh I về cho bố mẹ ông nuôi và nhập vào gia phả của Họ. Ông có công khai thông báo việc này cho bà B và gia đình biết nhưng bà B không có ý kiến gì. Mãi đến năm 1988, bà B làm đơn kiện ông ra Công ty của ông về việc quan hệ với bà L nên Công ty cho ông buộc thôi việc. Lúc này, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không thể sống chung, do đó, ông đón bà L về chung sống tại khu M, xã Y, huyện Đông Anh, Hà Nội cho đến nay. Năm 1991, ông và bà L sinh được người con thứ 2 là chị Nguyễn Thị I2. Từ năm 1989 cho đến nay, ông và bà B không đi lại, hỏi han và không có trách nhiệm gì với nhau. Bà B không ở chung cùng mẹ ông mà ở trên một phần đất của các cụ tổ tiên nhà ông để lại. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 04 con chung là anh Nguyễn Bá D, sinh ngày 13/7/1975; chị Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 08/8/1977; chị Nguyễn Thị Hồng E, sinh ngày 29/01/1980 và chị Nguyễn Thị F, sinh ngày 27/10/1981. Nếu ly hôn, do các con chung đều đã thành niên, độc lập về kinh tế nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Nếu ly hôn, ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Trương Thị B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà kết hôn với ông Nguyễn Bá A ngày 21/9/1974 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Ở địa phương, gia đình và hàng xóm hay gọi bà là “C” nên khi đi đăng ký kết hôn, vợ chồng bà có đọc tên của tôi là “C” và cán bộ thực hiện việc đăng ký đã ghi tên bà là Chương Thị C trong đăng ký kết hôn. Bà cam kết và xác nhận Trương Thị B và Chương Thị C chỉ là một người và chính là bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ ông A tại Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội được khoảng 03 năm. Sau đó, bố mẹ chồng cho ra ở riêng cũng trên thửa đất của các cụ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng những năm 1984, 1985 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A có quan hệ bất chính với bà Đỗ Thị L và có 01 con riêng. Ông A đã công khai đưa bà L về nhà ăn ở như vợ chồng. Bố mẹ chồng và ông A cũng bảo tôi chấp nhận cho ông A lấy bà L làm vợ lẽ nhưng bà không chấp nhận. Mẹ chồng bà có nói nếu bà không đồng ý thì đi ra khỏi nhà. Do vậy, bà đã phải đi khỏi nhà ông A và ở nhờ nhà họ hàng của ông A. Tuy nhiên sau đó, do ông A và bố mẹ chồng không chăm sóc được 04 con chung của bà và ông A nên bố chồng và ông A gọi bà về để chăm con. Vì thương con nên bà lại về ở cho đến nay. Từ những năm 1984, 1985, ông A và bà L đã ngang nhiên chuyển ra ở riêng tại khu M, xã Y, Đông Anh, Hà Nội cho đến nay và có 02 con riêng. Bà ở trên một phần đất của các cụ tổ tiên nhà ông A để lại cùng con trai đầu. Hai bên không có trách nhiệm gì với nhau, bà

một mình cam chịu nuôi 04 con cho đến ngày hôm nay. Nay ông A xin ly hôn thì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn từ lâu, hai bên không có sự quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau, tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì các con cháu bà đã hợp gia đình và cùng thống nhất đề nghị bà không được ly hôn. Bà thương và sống vì con cháu nên tôn trọng quyết định của các con. Từ trước và cho đến nay, bà chưa lần nào trình báo hay nhờ các cơ quan chức năng can thiệp, giải quyết việc ông A vi phạm chế độ hôn nhân gia đình. Nay bà cũng không yêu cầu với lý do để gìn giữ hình ảnh cho các con cháu.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 04 con chung là anh Nguyễn Bá D, sinh ngày 13/7/1975; chị Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 08/8/1977; chị Nguyễn Thị Hồng E, sinh ngày 29/01/1980 và chị Nguyễn Thị F, sinh ngày 27/10/1981. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn, do các con chung đều đã thành niên, độc lập về kinh tế nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Nếu ly hôn, bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Bá A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C) và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ.

- Bị đơn bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C) vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn; Nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A phát biểu quan điểm: Từ những năm 1987, 1988, giữa hai ông bà đã có sự mâu thuẫn do bà B có sự mâu thuẫn với gia đình nhà chồng và ông A có gia đình riêng. Sau thời điểm đó đã hơn 30 năm, hai bên độc lập về kinh tế và cuộc sống, không có bất kỳ ràng buộc nào về mặt tình cảm, quan hệ, đi lại, chỉ còn ràng buộc nhau trên phương diện giấy tờ pháp lý. Đồng thời, trên thực tế bà B cũng không còn tình cảm với ông A nhưng không đồng ý ly hôn với lý do giữ gìn hình ảnh cho con cháu. Đây là lý do không chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá A đối với bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C). Về con chung và tài sản: Do ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đương sự chấp hành tốt pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá A đối với bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C).

+ Về con chung: Ông A, bà B có 04 con chung là anh Nguyễn Bá D, sinh ngày 13/7/1975; chị Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 08/8/1977; chị Nguyễn Thị Hồng E, sinh ngày 29/01/1980 và chị Nguyễn Thị F, sinh ngày 27/10/1981. Nếu ly hôn, do các con chung của ông bà đều đã thành niên, độc lập về kinh tế nên

ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ: Ông A, bà B đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch. Tuy nhiên, ông A thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trương Thị B đang cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bá A và bà Trương Thị B: Xác A tại Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện: Ông bà tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 21/9/1974. Thời điểm đăng ký kết hôn, cán bộ hộ tịch thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông bà đã ghi tên thường gọi của bà B là “C” và ghi nhằm họ của bà B là “Chương” nên trong đăng ký kết hôn, bà Trương Thị B được ghi là “Chương Thị C”. Chính quyền địa phương xác nhận Trương Thị B và Chương Thị C chỉ là một người và chính là vợ ông Nguyễn Bá A. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá A đối với bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C):

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ ông A tại Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội được khoảng 02-03 năm. Sau đó, bố mẹ ông A cho vợ chồng ra ở riêng cũng trên thửa đất của các cụ. Đến những năm 1984, 1985 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông A có quan hệ ngoài hôn nhân với bà Đỗ Thị L và có 02 người con riêng. Từ những năm 1988, ông A đã chuyển ra ở riêng cùng bà L tại khu M, xã Y, Đông Anh, Hà Nội, bà B ở trên một phần đất của các cụ tổ tiên nhà ông A để lại, tình cảm vợ chồng đã không còn từ lâu, hai bên không có sự quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau.

Xác A tại chính quyền địa phương nơi ông bà từng chung sống thể hiện: Thời gian ông bà ly thân đã rất dài, hai bên đều đã phân định cuộc sống riêng, có chỗ ở riêng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thời gian ly thân của ông A, bà B đã kéo dài rất lâu, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân thực sự đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn, không có biện pháp nào

để cải thiện quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, không có căn cứ để xác định giữa hai bên vợ chồng có còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau hay không nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá A đối với bà Ngô Thị B để các bên ổn định cuộc sống riêng.

Thông qua việc giải quyết vụ án cho thấy: Ông Nguyễn Bá A có hành vi chung sống như vợ chồng với người khác. Hành vi trên vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội, có dấu hiệu của tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”. Tuy nhiên, thời gian xảy ra vụ việc đã hơn 30 năm, cơ quan chủ quản đã xử lý hành chính buộc thôi việc đối với ông A. Bà B cũng không có yêu cầu giải quyết, thời hiệu xử lý hình sự không còn nên Tòa án không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết vấn đề trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Ông A, bà B có 04 con chung là anh Nguyễn Bá D, sinh ngày 13/7/1975; chị Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 08/8/1977; chị Nguyễn Thị Hồng E, sinh ngày 29/01/1980 và chị Nguyễn Thị F, sinh ngày 27/10/1981. Ly hôn, do các con chung của ông bà đều đã thành niên, có sức khỏe, độc lập về kinh tế và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Ông A, bà B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đưa ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch. Tuy nhiên, ông A thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Luận cứ của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Bá A đối với bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C). Ông A được ly hôn bà B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 125/1974, đăng ký ngày 21/9/1974 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Bá A và bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C) không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Ông A, bà B có 04 con chung là anh Nguyễn Bá D, sinh ngày 13/7/1975; chị Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 08/8/1977; chị Nguyễn Thị Hồng E, sinh ngày 29/01/1980 và chị Nguyễn Thị F, sinh ngày 27/10/1981. Ly hôn, do các con chung của ông bà đều đã thành niên, có sức khỏe, độc lập về kinh tế nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Ông A, bà B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Bá A được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **17863** ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh..

5. Án xử công khai sơ thẩm. Ông Nguyễn Bá A và bà Trương Thị B (Tức Chương Thị C) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Lâm Bình

